

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng
Công trình: Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử
Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn
huyện Tây Sơn (Giai đoạn 1)
Địa điểm xây dựng: huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3932a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (Giai đoạn 1);

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1213/TTr-SGTVT ngày 13/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (Giai đoạn 1), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi dự án điều chỉnh, bổ sung: Điều chỉnh phạm vi dự án (giai đoạn 1) kéo dài đến Đền tế trời đất. Chiều dài tuyến L = 14,243km đi qua thị trấn Phú Phong, xã Tây Phú và xã Bình Tường huyện Tây Sơn. Theo đó, điểm đầu tiếp giáp với Quốc lộ 19, tại lý trình Km41+120 (bên trái tuyến). Điểm cuối tiếp giáp công vào Đền tế trời đất.

2. Quy mô xây dựng điều chỉnh, bổ sung

- Cấp đường thiết kế: Đường cấp VI đồng bằng (TCVN 4054-2005).

- Chiều dài tuyến: L = 14.243,0 m.

- Tốc độ thiết kế: $V = 30 \text{ km/h}$.
- Tải trọng trục tính toán: $Q = 10 \text{ tấn/trục}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 6,5 \text{ m}$
- Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5 \text{ m}$
- Bề rộng lề đường: $B_l = 2 \times 1,5 = 3,0 \text{ m}$. (bao gồm lề gia cố và lề đất)
- Bề rộng lề gia cố: $B_{lgc} = 2 \times 1,0 = 2,0 \text{ m}$.
- Tải trọng thiết kế cầu, cống:
 - + Tải trọng thiết kế cầu, cống làm mới: HL93.
 - + Tải trọng thiết kế cống nổi dài: H30-XB80.

3. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

a. Đoạn từ Km0+00 (giáp QL19) đến Km0+482,18: chiều dài $L=482,18 \text{ m}$, hiện trạng đã xây dựng mặt đường BTXM.

- **Nền đường:** đã đảm bảo quy mô dự án, không cần mở rộng.
- **Kết cấu nền, mặt đường:**
 - + Mặt đường BTXM hiện trạng.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5 \text{ kg/m}^2$.
 - + Bù vênh và thấm 01 lớp BTN C12,5 dày 5 cm .
- **Công trình thoát nước:** Còn tốt, giữ nguyên hiện trạng.
- **Công trình phòng hộ, an toàn giao thông:** tận dụng hệ thống biển báo hiện trạng còn tốt và thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

b. Đoạn từ Km0+482,18 đến Km0+836,70: chiều dài $L=354,52 \text{ m}$. Hiện trạng là đoạn tràn, mặt đường + lề gia cố bằng BTXM. Giữ nguyên hiện trạng, không xây dựng.

c. Đoạn từ Km0+836,70 đến Km1+630,0: chiều dài $L=793,3 \text{ m}$, đã xây dựng mặt đường BTXM.

- **Nền đường:** đã đảm bảo quy mô dự án, không cần mở rộng.
- **Kết cấu xây dựng nền, mặt đường**
 - + Mặt đường BTXM hiện trạng.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa $0,5 \text{ kg/m}^2$.
 - + Bù vênh và thấm 01 lớp BTN C12,5 dày 5 cm .
- **Công trình thoát nước**
 - + Gia cố mái taluy 2 bên tuyến đoạn từ Km0+928,63 – Km1+248,55 bằng tấm lát bê tông M200 đá 1×2 dày 8 cm .
 - + Công trình thoát nước khác: Còn tốt, giữ nguyên hiện trạng.
- **Công trình phòng hộ, an toàn giao thông:** Tận dụng hệ thống biển báo hiện trạng còn tốt và thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

d. Đoạn từ Km1+630 đến Km6+950,15: chiều dài $L=5320,15 \text{ m}$. Hiện trạng đã xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp VI đồng bằng.

- **Nền đường:** đã đảm bảo quy mô dự án, không cần mở rộng.
- **Kết cấu xây dựng nền, mặt đường:** đảm bảo $E_{yc} \geq 125 \text{ Mpa}$
 - + Lu tăng cường khuôn đường đạt K98.

ql

- + Lớp CPĐD loại I dày 30cm.
- + Tưới nhựa thấm bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0 kg/m².
- + Thảm lớp BTN C19 dày 6cm.
- + Tưới nhựa dính bám tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m².
- + Thảm lớp BTN C12,5 dày 4cm.

- Công trình thoát nước

+ Rãnh dọc thoát nước: rãnh tiết diện hình chữ nhật 40x50 cm, kết cấu bằng BTXM M200 đá 1x2.

+ Công trình thoát nước khác: Còn tốt, giữ nguyên hiện trạng.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: tận dụng hệ thống biển báo hiện trạng còn tốt và thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

đ. Đoạn từ Km6+950,15 đến Km7+173,7: chiều dài L=223,55m, hiện trạng đã xây dựng mặt đường BTXM rộng 5m.

- **Nền đường:** đã đảm bảo quy mô dự án, không cần mở rộng.

- **Kết cấu xây dựng nền, mặt đường:** Thiết kế mở rộng phần mặt BTXM thêm 0,5m, đảm bảo chiều rộng mặt đường + lề gia cố rộng 5,5m (giữ nguyên bề rộng nền đường B_n = 6,5m). Kết cấu cụ thể như sau:

+ Mặt đường mở rộng: xây dựng mở rộng thêm 0,5m bằng BTXM đến cao độ bằng với mặt đường BTXM hiện trạng, kết cấu như sau: đệm lớp giấy dầu và đổ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.

+ Sau khi mở rộng: tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m² và bù vênh + thảm 01 lớp BTN C12,5 dày 5cm trên toàn bộ mặt đường sau khi mở rộng.

- Công trình thoát nước

+ Rãnh dọc thoát nước: rãnh tiết diện hình chữ nhật 40x50 cm, kết cấu bằng BTXM M200 đá 1x2.

+ Công trình thoát nước khác: Còn tốt, giữ nguyên hiện trạng.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: tận dụng hệ thống biển báo hiện trạng còn tốt và thiết kế hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

e. Đoạn từ Km7+57,34 đến Km7+522,39: là đoạn xây dựng mới nền mặt đường, chiều dài L=465,05m.

- **Nền đường:** đắp bằng đất chọn lọc, đầm chặt K95. Mái taluy nền đào: m = 1,0. Mái taluy nền đắp: m = 1,5. Gia cố mái taluy bằng tám lát bê tông M200 đá 1x2 dày 8 cm.

- Kết cấu xây dựng nền, mặt đường:

+ Lu tăng cường khuôn đường đạt K98.

+ Lớp cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm.

+ Đệm lớp giấy dầu.

+ Mặt đường bằng BTXM M250 đá 2x4 dày 22cm.

- Cầu qua sông Kút tại Km7+264.41: Kết cấu cầu tràn BTCT

+ Chiều dài nhịp L = 12m, cầu gồm 11 nhịp.

ql

- + Tải trọng thiết kế: HL93.
- + Khổ cầu: $B = 6,0 + 2 \times 0,25 = 6,5\text{m}$.
- + Tần suất thiết kế: $P = 10\%$.
- + Kết cấu xây dựng cơ bản:

Kết cấu phần trên: nhịp giản đơn, chiều dài $L=12\text{m}$. Dầm tiết diện chữ T bằng BTCT thường. Bản mặt cầu bằng BTCT thường đổ tại chỗ.

Kết cấu phần dưới: Mố, trụ bằng BTCT đổ tại chỗ, móng khoan cây thép $\Phi 32$ ngàm vào nền đá tự nhiên.

- **Công thoát nước ngang:** cống tròn sử dụng ống cống BTLT đúc sẵn; cống vuông bằng BTCT. Khẩu độ từng vị trí theo tính toán.

- **Rãnh dọc thoát nước:** rãnh tiết diện hình chữ nhật $40 \times 50\text{ cm}$, kết cấu bằng BTXM M200 đá 1x2.

- **Công trình phòng hộ và an toàn giao thông:** thiết kế hoàn chỉnh theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

g. Đoạn từ Km7+522,39 đến Km11+978,77: là đoạn xây dựng mới nền mặt đường, chiều dài $L=4456,38\text{m}$.

- **Nền đường:** bằng đất chọn lọc, đầm chặt K95. Mái taluy nền đào: $m = 1,0$. Mái taluy nền đắp: $m = 1,5$.

- **Kết cấu xây dựng nền, mặt đường:** đảm bảo $E_{yc} \geq 125\text{ Mpa}$.

- + Lu tăng cường khuôn đường đạt K98.
- + Lớp CPĐD loại I dày 30cm .
- + Tưới nhựa thấm bảm, tiêu chuẩn nhựa $1,0\text{ kg/m}^2$.
- + Thảm lớp BTN C19 dày 6cm .
- + Tưới nhựa dính bảm tiêu chuẩn nhựa $0,5\text{ kg/m}^2$.
- + Thảm lớp BTN C12,5 dày 4cm .

- **Công trình thoát nước**

+ Cống thoát nước ngang: cống tròn sử dụng ống cống BTLT đúc sẵn; cống vuông bằng BTCT. Khẩu độ từng vị trí theo tính toán.

+ Rãnh dọc thoát nước: rãnh tiết diện hình chữ nhật $40 \times 50\text{ cm}$, kết cấu bằng BTXM M200 đá 1x2.

+ Cầu bản hộp: trên đoạn tuyến xây dựng 1 cầu bản hộp khẩu độ $L_0=6\text{m}$ tại Km8+203.96 và 1 cầu bản hộp khẩu độ $L_0=4\text{m}$ tại Km9+640.68. Quy mô xây dựng chủ yếu như sau:

Khổ cầu: $B = 6,0 + 2 \times 0,25 = 6,5\text{m}$.

Tần suất thiết kế: $P = 4\%$.

Tải trọng thiết kế: HL93.

Kết cấu xây dựng cơ bản: bằng BTCT thường đổ tại chỗ.

- **Công trình phòng hộ và an toàn giao thông:** thiết kế hoàn chỉnh theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

h. Đoạn từ Km11+978,77 – Km14+243 (cuối tuyến): chiều dài $L=2264,23\text{m}$, hiện trạng đã xây dựng mặt BTXM.

- **Nền đường:** mở rộng nền đường đảm bảo $B_n=6,5\text{m}$.

- **Kết cấu nền, mặt đường:**



+ Mặt đường mở rộng: xây dựng mở rộng thêm mỗi bên 1m, đảm bảo bề rộng mặt đường và lề gia cố rộng 5,5m, cụ thể như sau:

Lu tăng cường khuôn đường đạt K98.

Đệm lớp giấy dầu.

Đổ BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.

+ Sửa chữa mặt đường hư hỏng:

Đào bỏ lớp BTXM hư hỏng dày 20cm

Lu tăng cường khuôn đường đạt K98 dày 30cm.

Đệm lớp giấy dầu

Hoàn trả mặt BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.

+ Sau khi mở rộng và sửa chữa hư hỏng tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m² và bù vênh, thảm 01 lớp BTN C12,5 dày 5cm trên toàn bộ mặt đường sau khi mở rộng.

- Công trình thoát nước

+ Các cống hiện trạng còn tốt và đủ khả năng thoát nước, chỉ nối dài phù hợp với bề rộng nền đường.

+ Rãnh dọc thoát nước: rãnh tiết diện hình chữ nhật 40x50 cm, kết cấu bằng BTXM M200 đá 1x2.

- Công trình phòng hộ và an toàn giao thông: thiết kế hoàn chỉnh theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012 và các quy định hiện hành.

4. Tổng mức đầu tư điều chỉnh, bổ sung

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 3932a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của CT UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh, bổ sung	Chênh lệch (tăng, giảm)
Chi phí xây dựng	79.864.228	75.247.305	-4.616.923
Chi phí GPMB	6.000.000	5.900.000	-100.000
Chi phí Quản lý dự án	1.115.717	1.085.613	-30.104
Chi phí TVĐT XD	3.386.514	4.290.470	903.956
Chi phí khác	1.088.086	4.900.276	3.812.190
Chi phí dự phòng	8.545.455	8.576.336	30.881
Tổng cộng	100.000.000	100.000.000	0

5. Các nội dung khác không điều chỉnh trong quyết định này vẫn giữ nguyên theo Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (Giai đoạn 1) đã được phê duyệt tại Quyết định số 3932a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh .

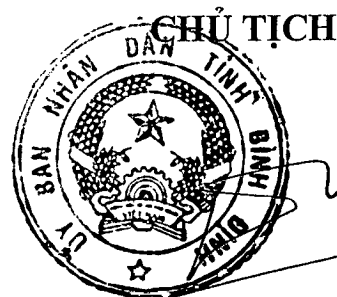
7/1

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3932a/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/ *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- CVP, PVPCN;
- Lưu: VT, K19.(M.16b) /s/ *[Signature]*



Hồ Quốc Dũng